THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 31/2025/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 02 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung một số điều các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Biên giới quốc gia số 06/2003/QH11;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 51/2019/QH14 và Luật số 23/2023/QH15;

Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 23/2023/QH15;

Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam số 66/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 176/2025/QH15 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 34/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 77/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng;

Căn cứ Nghị định số 112/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 34/2023/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 69/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý.

Chương I
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 10/2016/QĐ-TTG CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ THỰC HIỆN THỦ TỤC BIÊN PHÒNG ĐIỆN TỬ CẢNG BIỂN

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 của Điều 2

"c) Tàu, thuyền Việt Nam nhập cảnh, xuất cảnh; tàu, thuyền, thuyền viên nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng (bao gồm cả các tàu thăm dò, khai thác, dịch vụ dầu khí hoạt động ngoài khơi; tàu biển nước ngoài được Bộ Xây dựng cấp giấy phép vận tải nội địa; tàu, thuyền thuộc sở hữu của Việt Nam mang cờ quốc tịch nước ngoài);".

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 3

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Thủ tục biên phòng điện tử cảng biển (sau đây viết gọn là thủ tục biên phòng điện tử), bao gồm thủ tục nhập cảnh, thủ tục xuất cảnh, thủ tục quá cảnh, thủ tục chuyển cảng, là thủ tục biên phòng cảng biển, trong đó người làm thủ tục và Biên phòng cửa khẩu cảng khai báo, tiếp nhận, xử lý, trao đổi thông tin và xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng cho tàu, thuyền, thuyền viên nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển (trong trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia có sự cố).".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Khai báo thủ tục biên phòng điện tử là việc người làm thủ tục sử dụng mạng internet thực hiện khai báo các bản khai điện tử và gửi hồ sơ điện tử cho Biên phòng cửa khẩu cảng qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng thông tin (trong trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia có sự cố).".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử là việc Biên phòng cửa khẩu cảng sử dụng mạng internet và mạng nội bộ để tiếp nhận, kiểm tra, xử lý thông tin, gửi thông báo kết quả hoàn thành thủ tục biên phòng đối với tàu, thuyền, thuyền viên nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng cho người làm thủ tục qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng thông tin (trong trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia có sự cố).".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau:

"9. Từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử là việc Biên phòng cửa khẩu cảng gửi thông báo qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng thông tin (trong trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia có sự cố) cho người làm thủ tục về việc chuyển hình thức thực hiện thủ tục biên phòng điện tử sang hình thức kiểm tra, thực hiện thủ tục biên phòng trực tiếp tại tàu.".

5. Bãi bỏ khoản 8.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 6

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

"b) Thuyền viên thuộc tàu, thuyền đó được phép đi bờ ngay sau khi tàu, thuyền neo đậu an toàn tại cảng. Việc đi bờ của thuyền viên thực hiện theo các quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 44 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 và Điều 29 Nghị định số 77/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Sau khi hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, người làm thủ tục phải xuất trình các loại giấy tờ bao gồm: Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế của thuyền viên và hành khách hoặc sổ thuyền viên đối với thuyền viên nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 77/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Trường hợp không thể thực hiện thủ tục biên phòng điện tử do Cổng thông tin có sự cố: Biên phòng cửa khẩu cảng phải thông báo cho người làm thủ tục bằng văn bản, điện thoại hoặc thư điện tử để làm thủ tục biên phòng cho tàu, thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng theo cách thức thủ công theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Nghị định số 77/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng.".

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản của Điều 7

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 7 như sau:

"a) Thời hạn khai báo và xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử; xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc sổ thuyền viên:

Chậm nhất 04 giờ trước khi tàu, thuyền dự kiến đến cảng và 02 giờ trước khi tàu, thuyền dự kiến rời cảng, người làm thủ tục phải khai báo thủ tục biên phòng điện tử. Thời gian bắt đầu thực hiện thủ tục biên phòng điện tử được xác định từ thời điểm Biên phòng cửa khẩu cảng tiếp nhận đầy đủ hồ sơ điện tử qua Cổng thông tin.

Chậm nhất 01 giờ kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ điện tử, Biên phòng cửa khẩu cảng phải xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử. Thời điểm xác định hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử là thời điểm người làm thủ tục nhận được xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Đối với tàu, thuyền nhập cảnh; tàu, thuyền quá cảnh đến cảng, chậm nhất 10 giờ sau khi tàu, thuyền neo đậu an toàn tại cảng, người làm thủ tục phải xuất trình các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Quyết định này cho Biên phòng cửa khẩu cảng;

Đối với tàu, thuyền xuất cảnh; tàu, thuyền quá cảnh rời cảng, chậm nhất ngay trước khi tàu, thuyền rời cảng, người làm thủ tục phải xuất trình các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Quyết định này cho Biên phòng cửa khẩu cảng.

Đối với tàu, thuyền thời gian neo đậu tại cảng dưới 24 giờ, không thay đổi về thuyền viên, hành khách, người làm thủ tục được phép khai báo thủ tục xuất cảnh cho tàu, thuyền ngay sau khi khai báo thủ tục nhập cảnh; xuất trình một lần các loại giấy tờ quy định tại khoản 5 Điều 6 Quyết định này cho Biên phòng cửa khẩu cảng.".

2. Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 7.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 của Điều 8

"b) Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trực thuộc phối hợp với Bộ đội Biên phòng trong thực hiện thủ tục biên phòng điện tử.".

Chương II
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 15/2019/QĐ-TTG CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC THỰC HIỆN THỦ TỤC BIÊN PHÒNG ĐIỆN TỬ TẠI CÁC CỬA KHẨU DO BỘ QUỐC PHÒNG QUẢN LÝ ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 03/2025/QĐ-TTG CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 của Điều 2

"a) Người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện cơ giới nước ngoài nhập, xuất cảnh tham gia giao thông tại Việt Nam theo quy định của Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;".

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 của Điều 13

"a) Các loại giấy tờ phải xuất trình:

Hộ chiếu của thuyền viên; hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc Thẻ Căn cước hoặc Thẻ Căn cước công dân của hành khách (nếu có);

Các loại giấy tờ khi có yêu cầu của Biên phòng cửa khẩu cảng: Sổ nhật ký hành trình; giấy tờ liên quan đến hàng hóa (nếu có hàng hóa trên tàu), bao gồm: Hợp đồng vận chuyển hàng hóa; hợp đồng mua bán hàng hóa và hóa đơn giá trị gia tăng hoặc phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ; giấy phép vận chuyển của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đối với các loại hàng hóa vận chuyển có điều kiện.".

Điều 8. Sửa đổi khoản 1, khoản 3 của Điều 16

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 16 như sau:

"1. Chậm nhất 12 giờ trước khi người nhận thị thực tại cửa khẩu dự kiến đến cửa khẩu quốc tế biên giới đất liền hoặc đến cửa khẩu cảng, người làm thủ tục phải khai báo Bản khai cấp thị thực tại cửa khẩu theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này và gửi qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cho Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền (trường hợp đề nghị nhận thị thực tại cửa khẩu quốc tế biên giới đất liền) hoặc gửi cho Biên phòng cửa khẩu cảng (trường hợp đề nghị nhận thị thực tại cửa khẩu cảng).

Chậm nhất 02 giờ trước khi dự kiến rời cửa khẩu cảng nơi tàu neo đậu, người làm thủ tục phải khai báo Bản khai cấp thị thực tại cửa khẩu thực hiện theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này và gửi qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cho Biên phòng cửa khẩu cảng trong trường hợp thuyền viên nước ngoài không thuộc diện được miễn thị thực nhập cảnh Việt Nam có nhu cầu xuất cảnh về nước qua cửa khẩu khác;

Thời gian bắt đầu thực hiện thủ tục biên phòng điện tử trong cấp thị thực tại cửa khẩu được xác định từ thời điểm Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền hoặc Biên phòng cửa khẩu cảng tiếp nhận Bản khai cấp thị thực tại cửa khẩu qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử.".

2. Sửa đổi khoản 3 Điều 16 như sau:

"3. Khi người nhận thị thực đến cửa khẩu quốc tế biên giới đất liền hoặc cửa khẩu cảng để nhập cảnh Việt Nam hoặc thuyền viên nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều này rời cửa khẩu cảng, người làm thủ tục xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế và nộp phí cấp thị thực theo quy định cho Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền hoặc Biên phòng cửa khẩu cảng;

Ngay sau khi nhận được đầy đủ hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế và phí cấp thị thực, Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền hoặc Biên phòng cửa khẩu cảng thực hiện cấp thị thực theo quy định.".

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 18

1. Sửa đổi bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Phối hợp với Văn phòng Chính phủ tổ chức kết nối Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử với Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.".

2. Bổ sung điểm g vào khoản 8 như sau:

"g) Chủ động khai thác thông tin, dữ liệu trực tuyến tại các hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương đã được kết nối để giải quyết thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý.".

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 19

"Điều 19. Trách nhiệm của các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an thống nhất phương án kết nối, chia sẻ dữ liệu để sử dụng tài khoản định danh điện tử đăng nhập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử theo quy định của Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử và quy định của Quyết định này.

2. Bộ Tài chính

a) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trực thuộc phối hợp với Bộ đội Biên phòng trong thực hiện thủ tục biên phòng điện tử; phối hợp với Bộ Quốc phòng hướng dẫn các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện thủ tục biên phòng điện tử theo cơ chế một cửa quốc gia;

b) Chỉ đạo triển khai tích hợp tài khoản định danh điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, kết nối với các hệ thống chuyên ngành để thực hiện các thủ tục điện tử theo Cơ chế một cửa quốc gia;

c) Hằng năm, chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng cân đối bảo đảm ngân sách về đầu tư xây dựng quản lý, vận hành Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử trong kế hoạch đầu tư công trung hạn để bảo đảm triển khai thực hiện Quyết định này.

3. Các bộ, ngành có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm phối hợp với Bộ Quốc phòng trong thực hiện thủ tục biên phòng điện tử và triển khai, thực hiện sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử theo quy định của Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo tuyên truyền, hướng dẫn các sở, ban, ngành chức năng, Ủy ban nhân dân cấp xã và nhân dân địa phương nơi thực hiện thủ tục biên phòng điện tử phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho Biên phòng cửa khẩu triển khai thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại địa phương.".

Điều 11. Thay thế biểu mẫu

Thay thế các Mẫu số 11, 12, 16 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025 bằng các Mẫu số 01, 02, 03 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2b). TVT. 10

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Phụ lục

CÁC BIỂU MẪU

(Kèm theo Quyết định số 31/2025/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Mẫu số 01	Mẫu bản khai đối với công dân Việt Nam xuất, nhập cảnh
Mẫu số 02	Mẫu xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử đối với công dân Việt Nam xuất, nhập cảnh
Mẫu số 03	Mẫu bản khai cấp thị thực tại cửa khẩu

Mẫu số 01. Mẫu bản khai đối với công dân Việt Nam xuất, nhập cảnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(1)..., ngày ... tháng ... năm ....

BẢN KHAI
Đối với công dân Việt Nam xuất, nhập cảnh

1. Họ tên: .....

2. Sinh ngày.....tháng.....năm:.....

3. Điện thoại/e-mail:.....

4. Loại giấy tờ xuất nhập cảnh:

- Hộ chiếu ☐; Giấy thông hành xuất nhập cảnh ☐; Giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới ☐; Giấy tờ xuất nhập cảnh khác:..... (ghi rõ tên loại).

- Số giấy tờ xuất nhập cảnh:.....
Cơ quan cấp:.....Có giá trị đến:.....

- Trẻ em đi cùng giấy tờ xuất nhập cảnh (nếu có):

+ Họ tên:..... Sinh ngày.....tháng.....năm.....

+ Quan hệ:.....

+ Số Thẻ căn cước/Số định danh cá nhân:.....

5. Thị thực nhập cảnh Trung Quốc (trường hợp công dân Việt Nam sử dụng Hộ chiếu phổ thông nhập cảnh Trung Quốc):

Có giá trị từ ngày…….tháng.....năm.....đến ngày.....tháng.....năm.....

6. Cửa khẩu xuất cảnh:..... Nhập cảnh: .....

7. Thời gian dự kiến xuất cảnh:.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....
Nhập cảnh:.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Nơi nhận:
- Đồn BPCK ..(2)..
- Lưu:....

NGƯỜI KHAI
(Ghi rõ họ tên)

Ghi chú:
(1) Địa danh.
(2) Tên Đồn Biên phòng cửa khẩu thực hiện thủ tục biên phòng điện tử.

Mẫu số 02. Mẫu xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử đối với công dân Việt Nam xuất, nhập cảnh

ĐỒN BIÊN PHÒNG CỬA KHẨU..(1).. **ĐỘI THỦ TỤC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../TT-BPCK...	...(2)..., *ngày ... tháng ... năm ....*

XÁC NHẬN
Hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử đối với công dân Việt Nam xuất, nhập cảnh

Căn cứ khai báo thủ tục biên phòng điện tử, vào hồi....giờ...ngày.... tháng....năm .....của ông (bà): .....(3)

Sinh ngày.....tháng.....năm:.....

Điện thoại/e-mail:.....

Đội thủ tục Đồn Biên phòng cửa khẩu: .....(4)

Xác nhận ông (bà): .....(5) đã hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử nhập cảnh/xuất cảnh tại cửa khẩu.....(6) vào hồi:... ngày....tháng....năm .....

Nơi nhận:
- (7);
- Lưu:....

CÁN BỘ THỦ TỤC
(Ghi rõ họ tên)
(Chữ ký số)

Ghi chú:
(1), (4) Tên Đồn Biên phòng cửa khẩu thực hiện thủ tục biên phòng điện tử.
(2) Địa danh.
(3), (7) Người làm thủ tục.
(5) Tên công dân Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh.
(6) Tên cửa khẩu xuất cảnh, nhập cảnh.

Mẫu số 03. Mẫu bản khai cấp thị thực tại cửa khẩu

TÊN CƠ QUAN DOANH NGHIỆP

Số:.../...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(1)..., *ngày ... tháng ... năm ....*

BẢN KHAI
Cấp thị thực tại cửa khẩu.....(2)

Họ và tên: .....Chức vụ: .....Tên cơ quan, doanh nghiệp:.....
Địa chỉ: .....
Đề nghị (Đồn) Biên phòng cửa khẩu:.....(3) cấp thị thực cho.....(4) người nước ngoài như sau:

TT	Họ tên (Chữ in hoa)		Năm sinh	Quốc tịch	Số Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế	Thời gian dự kiến	
	Nam	Nữ				Nhập cảnh	Xuất cảnh
1							
2							

Nơi nhận:
- Đội thủ tục (Đồn) BPCK...(5);
- Lưu:.....

NGƯỜI KHAI
(Ghi rõ họ tên)
(Chữ ký số)

Ghi chú:
(1) Địa danh.
(2) Tên cửa khẩu.
(3), (5) Tên đơn vị Biên phòng cửa khẩu thực hiện thủ tục biên phòng điện tử.
(4) Số lượng người được cấp thị thực tại cửa khẩu theo văn bản thông báo của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an.